

KINH QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ NGHĨA SỐ

Sa-môn Thích tuệ Viễn chùa Tịnh Ảnh soạn

PHẦN CUỐI

Trong mười pháp quán sau, văn chia ra bốn loại:

1. “Phật đối với A-nan và Vy-đề-hy” bảo nghe pháp, hứa giảng nói, khuyến khích truyền trì.

2. Do Phật khuyên Vy-đề-hy cầu thấy cõi Phật, khiến cho thấy Phật và Bồ-tát.

3. Do kia quán Vy-đề-hy thiết lễ, nương nhờ Phật lực, vì chúng sinh mà khởi thỉnh.

4. Nhân đó thỉnh Như lai giảng nói mười pháp quán sau.

Trong phần trước, ba câu là:

1. Đối với hai người khuyên nghe pháp, suy nghĩ.

2. Phật hứa nói pháp dứt trừ khổ. Nhờ quán mà diệt tội, bỏ đây sinh kia, gọi là pháp dứt trừ khổ.

3. Khuyên thọ trì khuyên giảng nói.

Trong đoạn thứ hai có:

1. Trước nói Phật, Bồ-tát hiện.

2. Sau nói uy lực của Phật soi sáng không gì bằng.

Trong đoạn ba:

1. Vy-đề-hy do thấy Phật nên làm lễ.

2. Nương vào Phật lực, hiện có chỗ thấy.

3. Sau vì chúng sinh mà cầu thỉnh. Văn rõ ràng dễ biết.

Thứ tư: Phật nói trong mười pháp quán, còn lại nên theo bốn pháp.

Phần đầu có năm:

1. Chia ra quán Phật và quán Bồ-tát.

2. Có một môn tự vãng sinh.

3. Lại nói về quán Phật, quán Bồ-tát.

4. Quán về tha sinh.

5. Y theo năm phần trước này thì một môn đầu thực hành quán tòa Phật.

Phần thứ hai quán một tượng Phật và hai tượng Bồ-tát.

Phần sau quán chân thân hai vị bồ tát và Phật.

Trong phần quán tòa chia ra làm sáu:

1. Nói về quán tướng.

2. Từ “Đó là” v.v... trở xuống là kết.

3. “A-nan” v.v... trở xuống: Là nói “Tòa” này được thành. Nghĩa là do nguyện lực ngài Pháp tạng mà thành.

4. Từ “Nếu muốn” v.v... trở xuống: là lại hiển bày quán nghi.

5. “Do tướng này mà thành” v.v... trở xuống là quán lợi ích.

6. Thực hành pháp quán này trở xuống là phân biệt tà chánh. Ngay trong phần quán tướng cũng chia ra làm bốn:

Nói về quán tướng.

Từ “Khiến cùng Tu-đa-la” v.v... trở xuống là quán tà chánh.

Từ “Thực hành” v.v... trở xuống là quán lợi ích.

Trong phần một lại có bốn:

1. Lược quán: Chỉ quán tượng một Phật và hai Bồ-tát.

2. “Tướng này thành” là quán tướng thành.

3. “Mỗi cây” v.v... là quán rộng. Quán mỗi gốc cây đều có tượng Phật và hai vị Bồ-tát.

4. Tướng này thành trở xuống là nói lại sự thành tựu của tướng.

Y theo phần sơ lược thì trước quán tượng Phật, sau quán hai tượng Bồ-tát. Quán tượng Phật, thì trước khuyên quán Phật, lấy Phật làm sở biểu. Sau là quán tướng.

Trong phần khuyên quán Phật, trước giải thích ý nghĩa tam Phật, sau giải thích văn, nghĩa như trong chương riêng.

Trong đây, sở quán là ứng thân, trong văn có ba:

1. Trước kết sau sinh cho là khởi phát, thấy việc trước rồi, kế là tướng Phật.

2. Từ “Sở dĩ” v.v... trở xuống là giải thích lý do.

3. Từ “cho nên phải nhất tâm” v.v... trở xuống là

Kết khuyên quán sát.

Trong đoạn hai “Vì sao?” là thưa hỏi khởi phát. Vì từ thân Phật phát ra chúng hữu tính, khuyến tướng trở xuống là giải thích, thân pháp giới của Phật nhập vào tâm của tất cả chúng sinh, cho nên khuyến quán tướng. Từ “Cho nên” v.v... trở xuống là tướng Tâm Phật sẽ thành. Trước

nói nghĩa Phật nhập vào tâm chúng sinh. Trong đây có bốn câu.

Nói tâm là Phật. Nói “Cho nên”: là trước nương theo, sau tỏ bày. Vì tâm của Phật thể nhập vào tâm của tất cả chúng sinh. Lúc tâm tưởng Phật thì tâm chính là tướng tốt của Chư Phật.

Nói tâm thành Phật, trở thành tâm trước.

Tâm này là Phật, là kết thúc câu đầu ở trước.

“Chư Phật đều biết từ tâm tưởng sinh ra” là kết đoạn hai ở trước.

Thế nào làm? Thế nào là “Là”, có chia ra hai nghĩa:

Y theo quán Phật phân biệt trước sau, mới học gọi làm, sau thành thì gọi là “Là”.

Hiện phải phân biệt pháp thân Chư Phật đồng thể với mình, ngay lúc quán Phật, hiện ra trong tâm đó tức là thể pháp thân của Chư Phật, nên gọi tâm là Phật. Mong đạt được quả, do đó mà quán chúng sinh kia, gọi là tâm thành Phật.

Phần hai này là giải thích lý do khuyến thỉnh.

Từ phần thứ ba là kết khuyến quán sát. Nói “Cho nên” là Phật, Phật thể nhập vào tâm chúng sinh. Cho nên phải nhất tâm buộc niệm quán cõi Phật A-di-đà kia. Phật hiệu là Vô Lượng, lược nêu ra có bốn loại. Phật là Phật hiệu, nghĩa như trước có giải thích.

Đa-đà-a-già-độ là hiệu của Như lai. Nương vào đạo như thật, cho đến thành Chánh giác, đó gọi là Như lai

A-la-ha, Hán dịch là Ứng cúng. Phật có đầy đủ trí đoạn, hợp lại xứng đáng cúng dường, nên gọi là Ứng cúng. Trong ngôn ngữ của nước ngoài thì ba tên chung nhau:

A-la-ha: Hán dịch là Ứng cúng.

A-la: Hán dịch là Vô sinh, cũng dịch là Vô trước.

A-lô-ha: Hán dịch là Sát tặc.

Ở đây là nêu nghĩa thứ nhất:

Tam-miêu Tam-bồ-đề, Hán dịch là Chánh chân chánh giác.

Tam, Hán dịch là Chánh, Phật-đà, Hán dịch là Giác. Trên đã khuyên quán Phật, lấy tượng làm tiêu biểu.

“Quán tưởng Phật Di-đà, trước là quán tưởng”. Đây chính là khuyên quán tượng. Văn nói rõ ràng dễ hiểu.

Trước quán tượng Phật, kế là quán tượng hai vị Bồ-tát.

Trong pháp quán thân Phật, có chia ra bốn phần:

- Trước kết sau sinh ra.

- Nói rộng về quán tưởng.

- “Đó là” v.v... trở xuống là kết.

- Nói về quán là chánh.

Trong đoạn hai, văn lại chia làm bốn:

- Phân biệt rộng về quán tướng.

- “Thấy việc này, tức là thấy cả mười phương” v.v... trở xuống là quán lợi ích.

- “Quán Vô Lượng Thọ Phật từ một tướng tốt” v.v... trở xuống là nói lại nghĩa biện quán.

- “Thấy Phật Vô Lượng Thọ tức là thấy mười phương” v.v... trở xuống là nói lại sự lợi ích.

Trong phần đầu có nêu “Chúng sinh niệm Phật, nhiếp giữ không bỏ”... là tổng kết khuyến. Trong phần trước có ba:

- Quán thân sắc Phật.

- Từ “Thân Phật cao” v.v... trở xuống là quán sự lớn nhỏ.

- “Từ... vắng ánh sáng tròn” v.v... trở xuống là quán sự nhiều ít.

Trong quán lớn nhỏ có chia làm năm:

Quán thân lớn nhỏ. Cao sáu mươi muôn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần.

Nêu kích cỡ sợi lông trắng lớn nhỏ như núi Tu-di. Núi Tu-di cao ba trăm ba mươi sáu muôn dặm, mỗi bề cũng rộng như thế. Đức Phật Di-đà cao gấp năm lần như thế.

Mắt to rộng như bốn biển lớn. Y theo sợi lông trắng này và mắt to rộng mà đo sắc thân, thì lượng của thân quá cao. Y theo thân và cõi thì sợi lông trắng và mắt quá nhỏ. Vì sao? Vì thân người cao năm thước, mắt một tấc. Thân đối với mắt, kích thước chỉ dài hơn năm mươi, sáu mươi lần, Phật cũng như thế. Phật Vô Lượng Thọ mắt như bốn biển lớn. Một biển dài mỗi bề tám mươi bốn ngàn do-tuần. Bốn biển hợp lại có 33 vạn 6000 do-tuần. Thân lớn gấp năm, sáu mươi lần mắt. Nếu như thân cực lớn cũng không quá một trăm lần. Vì sao thân cao sáu mươi muôn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần?

Y theo mắt mà định thân, thì phải cao sáu mươi muôn lần na-do-tha do-tuần.

Nói Hằng hà sa có lẽ do dịch sai mà ra. Nếu thân thật dài sáu mươi muôn lần na-do-tha do-tuần, thì sợi lông trắng và mắt trở nên quá nhỏ, thì đó là do người truyền dịch sai.

Kích cỡ thân lượng của hai vị Quán Âm, Thế Chí, y cứ theo thân lượng của Phật cao thấp không nhất định.

Vắng ánh sáng bao quanh thân và ánh sáng mỗi sợi lông tỏa ra như núi Tu-di.

Kích thước vầng ánh sáng tròn giống như trăm ức Tam thiên thế giới.

Trong đoạn ba nói về sự ít nhiều, có chia ra năm câu:

Trong ánh sáng có bao nhiêu hóa Phật thì trong vầng ánh sáng tròn có trăm ức na-do-tha Hằng hà sa hóa Phật.

Có bao nhiêu Thị giả thì mỗi vị hóa Phật có vô số Bồ-tát đều làm thị giả.

Có bao nhiêu Minh tướng? Có tám mươi bốn ngàn tướng.

Có bao nhiêu Tướng tốt? Mỗi tướng đều có tám mươi bốn ngàn vẻ đẹp.

Tia sáng có bao nhiêu? Trong mỗi vẻ đẹp, đều có tám mươi bốn ngàn tia sáng.

Như trên là phân biệt về chúng sinh quán niệm Phật. Phần dưới là kết khuyên chúng sinh niệm Phật nhiếp thủ không xả bỏ. “Ánh sáng tướng tốt, và hóa thân, không thể nói hết”.

Phần kết là nói thường. Chỉ nên nhớ nghĩ là từ ngữ khuyến khích. Đoạn thứ nhất này đã xong.

Từ phần thứ hai, là nói về sự quán lợi ích. Trong đây có ba:

- Nói được thấy Phật Di-đà, tức là thấy tất cả thân Phật.

- Nói được thấy thân Phật A-di-đà, tức là thấy tâm Phật.

- Kết khuyên quán sát.

Trong phần đầu có ba câu:

- Nói thấy các thân tướng của Phật Di-đà tức là thấy tất cả Chư Phật mười phương. Thể của Chư Phật vốn bình đẳng, thấy một vị là thấy tất cả vị.

- Nói nhờ thấy được tất cả Phật liền được đầy đủ tam-muội Niệm Phật.

- Thực hành quán này v.v... trở xuống là kết thúc nói về lợi ích.

Trong đoạn hai, cũng có ba câu:

- Nói thấy thân tức là thấy tâm Phật, thân do tâm khởi, được thấy thân là được thấy tâm. Lại do thấy thân, mà tâm tướng lại càng sáng, cho nên được thấy tâm.

- Nói tâm Phật, đại Từ bi v.v... trở xuống là nói về tướng của Tâm Phật. Nghĩa là dùng vô duyên từ nhiếp khắp chúng sinh. Nhưng tâm từ có lớn có nhỏ, do phan duyên phân biệt gọi là nhỏ. Tâm tướng đều diệt mà đối với chúng sinh không phân biệt, tự nhiên hiển hiện lợi ích, chính gọi là Đại.

Trong Tiểu có ba:

- *Chúng sinh duyên duyên*: Các chúng sinh, muốn ban vui cho họ, muốn nhỏ hết gốc khổ cho họ.

- *Pháp duyên quán*: Các chúng sinh vô ngã, vô nhân, chỉ có pháp số năm ấm sinh diệt mà thực hành từ bi. vô ngã, vô nhân thì lấy gì mà hành từ? Như trong “Duy-ma” nói: “Tự nghĩ vì chúng sinh nói pháp như thế, cho nên gọi là Từ”. Lại nghĩ chúng sinh, vọng bị ngã nhân trói buộc, rất đáng thương xót.

Kinh nói vô, chỉ là vô nhân tánh, chứ chẳng phải vô chúng sinh huyễn hóa giả danh. Cho nên bị trói buộc trong lời nói, ý niệm.

- *Vô duyên Quán*: Ấm vắng lặng, vốn không thật có mà thực hành pháp từ bi, pháp đã không có, thì làm sao thực hành từ bi? Cũng có hai nghĩa:

1. Nghĩ vì chúng sinh mà nói pháp này, tức là nghĩa đệ nhất, ban vui cho người gọi là Từ.

2. Nghĩ rằng chúng sinh vọng bị các pháp trói buộc thật đáng thương xót, cho nên hành pháp từ bi.

Pháp đã không có, làm sao có người để nói? Giải thích rằng: Y theo từ tâm của Bồ-tát, thật không thấy có người, cũng không thấy có pháp. Không thấy pháp thì không lấy gì để nói. Không thấy người thì không thể nói. Cho nên trong kinh nói rằng: “Pháp giới Bình đẳng, Phật không có độ sinh” y theo chúng sinh kia mong cầu Bồ-tát, ngoài chúng sinh có Bồ-tát riêng. Nghe Bồ-tát kia nói không có người, pháp liền bỏ vọng khế thật, đồng với sở đắc, liền nói Bồ-tát vì chúng sinh mà nói pháp. Cho nên kinh nói: “Chúng sinh phân biệt càn, nói Cõi Phật chúng sinh” đây là ba thứ duyên quán tu tập, gọi chung là Tiểu.

Đại vô lượng tâm cũng có ba thứ:

- *Chúng sinh duyên*: Vô tâm phan duyên với tất cả chúng sinh, nhưng chúng sinh tự nhiên hiện ra sự lợi ích. Cho nên Kinh Niết-bàn chép: “Ta không thật không đến, dùng từ lực gốc lành, khiến cho các chúng sinh thấy các việc như thế”.

- *Pháp duyên*: Vô tâm pháp quán, các pháp tự nhiên chiếu khắp như mặt trời soi sáng muôn vật, không hề phân biệt.

- *Vô duyên*: Không có tâm quán như, mà đối với pháp bình đẳng đệ nhất nghĩa đều tự nhiên an trụ. Nay điều nói ở đây là chúng sinh duyên trong Đại, cho nên nói rằng: “Dùng vô duyên từ mà nhiếp lấy chúng sinh”. Đây là phần hai, nói về tướng tâm của Phật.

Phần ba, người thực hành quán này thì xả thân trở xuống là kết nói về quán ích. Đây là phần hai, nói thấy tâm Phật. Từ “Cho nên trí”

v.v... trở xuống: là đoạn ba, kết khuyến quán sát. Phần hai ở trên là nói ích lợi của quán. “Quán Vô Lượng Thọ từ một tướng” v.v... trở xuống: là đoạn ba, lại nói về phần quán nghi.

Thấy Phật Vô Lượng Thọ tức là thấy vô lượng Phật ở mười phương là nói thêm phần quán ích. Đây là phần hai, phân biệt rộng về quán tướng, phần ba là tổng kết. Thứ tư là phân biệt chính tà. Văn rõ ràng dễ hiểu.

Kế là quán Bồ-tát Quán Thế Âm, văn chia làm sáu:

1. Kết trước sinh sau.
2. Từ “Bồ-tát này” v.v... trở xuống: Là nói rộng về quán tướng.
3. Từ “đó là” v.v... trở xuống: Là phần kết.
4. “Phật bảo” v.v... trở xuống: Là quán lợi ích.
5. “Nếu có” v.v... trở xuống: Nói lại việc quán phụ.
6. Thực hành quán này v.v... trở xuống là nói về quán chánh tà.

Trong đoạn hai, quán tướng có mười thứ:

1. Quán thân tướng.
2. Quán đánh tướng.
3. Quán vầng ánh sáng tròn.
4. Quán mũ báu.
5. Quán khuôn mặt.
6. Quán sợi lông trắng.
7. Quán anh lạc.
8. Quán tướng tay.
9. Quán tướng chân.
10. Quán các tướng khác.

Đầu tiên là quán trong thân. Trước quán thân lượng, hưởng về thân Phật cao sáu mươi muôn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần. Thân Bồ-tát cao mười muôn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần

Sau đó quán thân sắc, sắc như vàng ròng. Quán đánh cũng dễ biết. Quán ánh sáng tròn đầy, có chia ra ba câu:

Quán trong ánh sáng có từng ấy hóa Phật

Quán hóa Phật có từng ấy thị giả

Quán hóa Phật sắc thân chói sáng, chúng sinh trong năm đường đều hiện trong đó.

Trong phần quán mũ báu, trước quán mũ báu sau quán trong mũ có từng ấy hóa Phật.

Trong môn thứ năm, quán khuôn mặt màu sắc như vàng ròng ở cõi Diêm-phù-đề. Trong phần quán sợi lông trắng, có chia ra năm câu:

1. Quán màu sắc của sợi lông trắng: màu sắc như bảy chất báu.
2. Quán ánh sáng của sợi lông trắng.
3. Quán sát trong ánh sáng của sợi lông trắng có từng ấy vị hóa Phật.

4. Quán hóa Phật có từng ấy vị thị giả.
 5. Quán sự thị hiện thần biến của Hóa Phật, thần biến hiện tự tại, đầy đủ khắp pháp giới mười phương.

Quán anh lạc và tay chân... trong văn nói rõ dễ hiểu.

Trong phần quán Bồ-tát Thế Chí, văn chia làm năm:

- Sinh khởi chung.
- Nói rõ về quán tướng.
- Tổng kết.
- “Trừ vô số” v.v... trở xuống là quán lợi ích.
- “Quán này thành” v.v... trở xuống là.

Tổng kết Quán Âm và Thế Chí, hai pháp quán đều thành tựu.

Trong đoạn hai: Văn chia ra làm bảy:

1. Quán thân tướng.
2. Quán mũ báu.
3. Quán nhục kết.
4. Quán bình báu.
5. Quán các tướng khác (đồng với Quán Âm).
6. “Hành thời” v.v... trở xuống: Quán hành tướng của hai vị Bồ-tát.

7. “Khi ngồi” v.v... trở xuống là Quán tướng ngồi.

Trong phần sơ quán, trước quán thân lượng. Như Quán Thế Âm. Sau thì quán ánh sáng của thân. Trong đó:

- Quán kích thước ánh sáng phát ra quanh thân.

“Hữu duyên” v.v... trở xuống nói về lợi ích của ánh sáng, có bốn:

1. Người có duyên đều thấy ánh sáng trong mỗi lỗ chân lông của Bồ-tát này. Tức là thấy tất cả ánh sáng Phật trong mười phương. Vì Bồ-tát này đồng thể với tất cả pháp thân Phật. Cho nên thấy ánh sáng này cũng là thấy tất cả ánh sáng Phật.

2. “Cho nên” là lời kết khen ngợi danh hiệu, hiệu là Vô Biên Quang.

3. “Trí tuệ” v.v... trở xuống là nói về lợi ích của ánh sáng soi chiếu khắp chúng sinh, lìa xa khổ ba đường, được thượng lực của Phật.

4. Lời kết khen ngợi tên gọi, tên là Đại Thế Chí.

Năm ý kế tiếp sau đây dễ hiểu:

- Quán tướng ngồi.

Sau đó thấy rõ vô lượng phân thân của Chư Phật, Quán Âm, Thế Chí đồng nhóm họp, giảng nói pháp mầu.

Tổng kết.

- Quán lợi ích.

Tổng kết Quán Âm, Thế Chí hai quán thành nghĩa. Trên đây là một phần quán Phật và Bồ-tát.

Kế là nhất môn tự vãng sinh quán. Trong đây có năm:

Tưởng Vãng sinh.

“Cùng với mười hai” v.v... trở xuống là nói nghi thức quán.

“Thấy đây” v.v... trở xuống là hiển bày rõ ràng.

Tổng kết.

- Quán lợi ích. Hóa Phật, Bồ-tát thường đến chỗ này.

Trong phần đầu có bảy:

1. Tưởng vãng sinh.

2. Tưởng ngồi kiết già trong hoa.

3. Tưởng hoa khép.

4. Tưởng hoa nở.

5. Tưởng khi hoa sen nở ra có các tia sáng chiếu vào thân.

6. Tưởng khi mắt mở ra.

7. Tưởng thấy Phật Bồ-tát và nghe pháp. Còn lại bao nhiêu để hiểu.

Một môn kế lại nói về Phật, Bồ-tát. Vì sao phải nói lại? Vì trước đã nói quán Phật, Bồ-tát, kẻ phàm chưa thể thực hành được, cho nên lại dạy cho các pháp quán sát. Trong đó, trước giải thích sau tổng kết. Giải thích thì trước quán sát thân Phật, sau quán Bồ-tát.

- Quán Phật có sáu:

1. Dạy quán sát tượng cao tượng sáu đứng trên ao nước. Tượng tiêu biểu cho Phật. Ao nước tiêu biểu cho đất lưu ly.

2. “Như trước” v.v... trở xuống nói cho nên phải dạy pháp quán tượng, vì như trước đã nói thân Phật vô biên, phàm phu không thể quán nổi, cho nên dạy quán tượng.

3. “Nhưng kia” v.v... trở xuống là nói các phàm phu quán đây sẽ thành, sinh ra ý tu tập cho người, do bốn nguyện lực của Như lai kia nên quán sẽ thành tựu.

4. “Chỉ tưởng” v.v... trở xuống là quán nhiều lợi ích, khuyên người quán sát, chỉ quán hình tượng còn được vô lượng phước, hưởng chi quán thân Phật.

5. A-di-đà v.v...trở xuống: Nói về sở quán. Hoặc lớn hoặc nhỏ đều là thân Phật, vì muốn dứt hết nghi lầm, phát sinh ý kính trọng cho người, vì sao lại sinh nghi? Trước nghe thân Phật cao lớn vô lượng, nay lại nghe quán tiểu, nên nghi chẳng phải thân Phật. Vì nhỏ nên bất kính, cho nên phải khiển trách, nói đều là Phật, làm cho người phát sinh ý kính trọng.

6. “Sở hiện” v.v... trở xuống là nói về sở hiện lớn nhỏ tuy khác, nhưng sắc thân tướng tốt không khác với trước, ngăn người quán khác. Người nghe đại tiểu đều là thân Phật, nghĩa là tạo tướng khác, cũng được quan sát, cho nên nói như trước, ngăn ngừa quán khác.

Phần dưới là nói quán Bồ-tát. Đầu tiên là quán Quán Âm, Thế Chí ở tất cả mọi nơi, thân đồng với chúng sinh, khó mà phân biệt khác nhau. Nhưng quán trở xuống là dạy người phân biệt. Chỉ quán tướng đầu, thì biết hai thứ khác nhau. Chỉ quán tướng đầu, chẳng quán tay chân. Quán trên danh Quán Âm có hóa Phật, trên danh Thế Chí có bình báu. Cho nên quán trên hai đầu, thì biết có sự khác nhau.

“Hai vị Bồ-tát này đều giúp sức cho Phật Di-đà”, ở đây nói về sự trợ hóa rất nhiều của hai vị Bồ-tát.

Từ “Khiến cho mọi người đều quán” v.v... trở xuống là phần tổng kết. Phật và Bồ-tát này, đều quán sát chung cho nên nói là tạp.

Từ đây trở xuống v.v... ba quán hợp thành một phần, là tha sinh quán. Quán sát tướng người vãng sinh chín phẩm. Vì sao lại quán? Vì khiến cho người đời biết được thứ bậc trên dưới của sinh nghiệp, tu được vãng sinh, cho nên khuyên quán. Trong đó, trước chia ra sáu môn, sau mới giải thích văn.

Sáu môn gồm:

1. Phân biệt về người.

2. Nói về nhân.

3. Nói cách thời thấy Phật khác nhau.

4. Nói về cõi kia, khi sinh có khác.

5. Nói sinh về cõi ấy có năm thứ sanh khác nhau được lợi ích khác nhau.

6. Giải thích kinh luận.

Sơ: Phân biệt về người, lược chia làm ba, chia chi tiết có chín phần.

Chia lược có ba: Đó là thượng, trung, hạ. Người chủng tánh trong đại thừa trở lên thì gọi là thượng phẩm, trong người Tiểu thừa, từ phàm đến thánh, giữ giới không phạm gọi là trung phẩm. Trong người Đại

thừa thì ngoại phạm có tội, gọi là hạ phẩm.

Phân chia chi tiết có chín: Đó là thượng thượng, thượng trung và thượng hạ. Người trong Đại thừa, từ Tứ địa trở lên gọi là Thượng thượng. Nhị, Tam địa tín nhãn Bồ-tát gọi là Thượng trung. Kinh nói sinh về cõi ấy quá một tiểu kiếp thì đắc vô sinh. Lý thật thì trong đó cũng có hai kiếp, ba kiếp mới được. Kinh nói một kiếp là nói theo gần.

Hỏi: “Địa Trì” chép: Trong bậc Sơ Địa, phải trải qua Vương xa một Đại a-tăng-kỳ kiếp mới đến Bát địa. Kinh này sao lại nói một tiểu kiếp liền được Vô sinh?

Giải thích có ba nghĩa:

Thời kiếp khác nhau. Như Hoa Nghiêm chép: “Ở Ta-bà một kiếp, bằng một ngày một đêm ở cõi Vô Lượng Thọ. Ở cõi kia một kiếp, bằng ở cõi Ta-bà này vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ kiếp”. Kinh “Địa Trì” y theo đây cho nên nói một đại a-tăng-kỳ kiếp mới đến Bát địa. “Quán kinh” là dựa vào trường kiếp ở thế giới Cực lạc, cho nên nói một kiếp đắc Vô sinh nhãn.

Khác nơi chốn: “Địa Trì” chép: một đại tăng-kỳ cho đến Bát địa, là nói cách với Sơ địa. “Quán kinh” nói là qua một tiểu kiếp cho đến Vô sinh, đó là nói chỗ cuối trong Tín nhãn. Cuối cùng của tín nhãn, chính là Tam địa. Nếu y theo Sơ địa thì không phải chỉ một kiếp mà được vô sinh.

Sở đáo biệt (Khác chỗ đến): “Địa Trì” nói một đại a-tăng-kỳ cho đến Bát địa. “Quán kinh” nói chỉ trong một tiểu kiếp được Vô sinh, cho đến địa thứ bảy mới được vô sinh ở Thất địa. Hạng thượng trung đều như thế. Chủng tánh giải hạnh, gọi là thượng hạ. Kinh nói người này quá ba tiểu kiếp được trăm pháp minh, được đến Sơ địa.

Hỏi rằng: “Địa Trì” nói theo chủng tánh thì một đại a-tăng-kỳ mới đến Sơ địa, sao trong “Quán Kinh” lại nói ba tiểu kiếp mới được?

Giải rằng: Vì thời kiếp khác nhau nên như thế. Trong “Địa Trì” là căn cứ vào kiếp ngắn ngủi, nói một đại a-tăng-kỳ kiếp mới đến Sơ địa. Còn “Quán Kinh” là y theo kiếp số lâu dài ở cõi Cực lạc, nên nói ba kiếp đến được Sơ địa.

Hỏi rằng: “Địa Trì” nói từ chủng tánh cho đến Sơ địa, là hơn một đại a-tăng-kỳ kiếp. Từ Sơ địa đến Bát địa cũng hơn một đại a-tăng-kỳ kiếp. Nay vì sao lại nói bậc thượng trung trải qua một tiểu kiếp đã đạt được Vô sinh. Nói rằng bậc thượng hạ qua ba tiểu kiếp mới đến Sơ địa?

Lý thật thì đều bằng nhau, trước nói bậc thượng trung qua một tiểu

kiếp được Vô sinh nhãn, là y theo Tín nhãn mà nói. Còn cho rằng hơn ba tiểu kiếp mới đến Sơ địa đó là nói chỗ bắt đầu ở nơi phục nhãn, đây là phỏng độ.

Lại trước nói qua một tiểu kiếp được Vô sinh, là bắt đầu ở Thất địa vô sinh, không vượt qua chỗ đó.

Sau nói ba kiếp mới đến Sơ địa đó là vượt qua chỗ đó. Cả hai điều này là nói theo chứng. Trên là phân về loài người ở bậc thượng.

Bậc trung cũng có ba: Đó là trung thượng, trung trung và trung hạ. Sự phân chia như thế nào? Người ở ba quả trước trong người Tiểu thừa gọi là trung thượng, sinh về kia liền đắc quả A-la-hán. Lý thật ở trong đó cũng có nhiều trường hợp đắc quả A-la-hán. Kinh nói được ngay là nói theo sự thù thắng.

Hỏi: La-hán là sinh hay bất sinh?

Kinh này không nói, vì A-la-hán là bất sinh.

Hỏi: Ngài Long Thọ nói: “A-la-hán cũng sinh về Tịnh độ” cho nên trong văn kinh nói: “Có cõi Tịnh độ mầu nhiệm, vượt hơn ba cõi, không có danh từ phiền não, là nơi bậc A-la-hán nên sinh về, nghe kinh Pháp Hoa vì sao không sanh, có hai nghĩa:

1. Giải thích Theo ngu pháp của Thanh văn, chấp tiểu mê đại là ngu pháp. Vì người ngu pháp bỏ thân hiện ấm, chưa thọ thân ngay, nhập vào vô dư diệt bất khả tư nghì kiếp, vị lại ở trong cõi Niết-bàn Vô dư, lúc tâm tưởng sinh, mới ở Tịnh độ thọ thân nghe pháp. Ngài Long Thọ y theo ở cuối (chung) mà nói sinh về Tịnh độ. Kinh này thì nói chỗ bắt đầu nên không nói sinh.

2. Giải thích theo bất ngu pháp: Trong các A-la-hán, hiểu Tiểu biết Đại nên gọi là bất ngu pháp. Vì người ở cõi này sau khi chết, liền ở cõi Tịnh độ thọ thân nghe kinh, nhưng chẳng phải tất cả. Nghĩa này thế nào? Cõi nước thì có thô diệu, chỗ thô thì tạp tiểu, chỗ diệu thì chỉ có đại.

Lại nói cõi nước thô có phần đoạn chung, phàm phu vãng sinh về cõi diệu chỉ có bậc Thánh biến dịch. Trong Tịnh độ cõi Phật Di-đà thì trong thô cũng có diệu sát, kinh này không nói ra. Trong Hoa Nghiêm thì nói đầy đủ. Kinh nói A-la-hán bất ngu pháp, ái kiết đã hết chuyên tâm cầu Đại thừa, sinh về cõi Diệu, không sinh vào nước thô. Ngài Long Thọ y theo diệu, nói La-hán nên sinh về Tịnh độ. Trong văn kia nói rằng: “Có diệu Tịnh độ, vượt qua ba cõi, không có danh từ phiền não, là nơi La-hán nên sinh về”.

Quán Kính y theo Thô, cho nên không nói sinh về, đó là nói ng-

hiêng lịch. Người ở ba quả trước gọi là Trung thượng. Trước đã kiến đạo, nội phạm ngoại phạm, tinh trì tịnh giới, cầu quả xuất ly, gọi là Trung trung.

Kinh nói: Sinh về kia được bảy ngày, nghe pháp được quả Tu-đà- hoàn, trải qua nửa kiếp mới đắc quả La-hán. Lý thật thì ở trong đó cũng có trải qua nhiều thời nghe pháp chứng quả. Kinh nói bảy ngày và nửa kiếp, chính là nói bậc thù thắng. Từ kiến đạo trở xuống, các phạm phu thế tục, tu các thế phước khác, mong cầu xuất ly, đây vì người trung hạ mà nói. Kinh nói: “Sinh về cõi kia, trải qua một Tiểu kiếp đắc quả A-la-hán”.

Theo lý thật thì ở trong đó cũng có người trải qua nhiều kiếp mới đắc quả A-la-hán. Kinh là nói theo bậc thù thắng. Bậc trung cũng thế, bậc hạ thì có ba: Đó là hạ thượng, hạ trung, hạ hạ. Trong những người mới học Đại thừa thì tùy theo sự khinh trọng mà chia làm ba phẩm, chưa có đạo vị, khó luận được thứ bậc. Người được phân biệt như thế, môn này đã xong.

Kế là phân biệt về nhân, ở đây trước là phân biệt tướng, sau luận là y theo người. Đương tướng như thế nào? Các kinh đều nói khác nhau. Kinh “Đại phẩm” thì chép: Bát-nhã không tuệ làm nhân, vì tu không tuệ trừ diệt tội chướng, đối với cõi Tịnh độ muốn sinh thì liên sinh. Theo Kinh Niết-bàn thì: Tất cả nghiệp lành đều là nhân của Tịnh độ, không thể nêu ra đầy đủ.

Nói thô thì có bốn:

Tu giới làm nhân, xa lìa mười điều ác, tu hành mười điều lành, tự giữ tịnh giới, không ở chung với người phạm tội nặng, được sinh về Tịnh quốc.

Tu thí làm nhân. Ở chỗ hoang vắng đào giếng, trồng cây trồng rừng, cho thuốc người bệnh nghèo, xây dựng tăng phòng, cúng dường người giữ giới và nói pháp, đúc tượng xây tháp... tất cả những việc làm như thế đều được vãng sinh.

Tu tuệ làm nhân. Viết sách chép kinh, cho đến lắng nghe một bài kệ đọc tụng, giảng nói cho người nghe, được sinh về Tịnh độ.

Lấy việc hộ pháp làm nhân: giữ gìn chánh pháp, không chê bai Phương đẳng, được sinh về Tịnh độ.

Những điều trên đây có thể làm nhân cho cõi Tịnh độ, cầu quả an vui, cho nên phải tu tập.

Theo “Kinh Duy-ma” lấy tám pháp làm nhân, cho nên kinh này nói tám pháp đầy đủ, thực hành không thiếu sót thì được sinh về Tịnh

độ. Tám pháp gồm:

Làm lợi ích cho chúng sinh không mong trả ơn. Đây chính là lòng từ.

Chịu các sự khổ não thay cho chúng sinh, đây là lòng bi.

Công đức làm ra, đều bố thí hết. Đây là tâm hỷ xả. Do hỷ nên trừ được tâm ganh ghét. Cho nên tất hồi hưởng cả công đức bố thí hết.

Tâm bình đẳng đối với chúng sinh, nhún mình không ngăn ngại, đây là tâm xả. Tâm xả thì trừ hết oán thân, cung kính tất cả, cho nên gọi là bình đẳng vô ngại.

Trên là bốn pháp lợi tha, bốn pháp sau đây là tự lợi.

Đối với các Bồ-tát, nên gần gũi như Phật, kinh nào chưa nghe thì nghe không nghi ngờ, đối với sở học của mình khởi tâm kính tin, đối với người khởi tâm cung kính, đối với pháp thì sinh tín.

Không chống trái với người Thanh văn, đối với các môn đệ học khác dứt tâm ngăn ngại.

Không ganh ghét với người, không cống cao tư lợi, ở trong đó tự điều phục tâm mình, ở trong chỗ thọ dụng dứt tâm nhơ ướ.

Thường tự biết lỗi mình, không trách lỗi người. Thường lấy sự nhất tâm tu các công đức. Đối với việc tu hành khởi tâm chuyên tinh.

Tám điều này có thể làm nhân cho tất cả cõi Tịnh độ. Cầu sự an vui cũng phải tu theo đó.

Theo “Luận Vãng Sinh” thì dùng năm môn làm nhân:

1. *Môn Lễ bái*: Xưng danh lễ bái Phật A-di-đà, cầu sinh Tịnh độ.
2. *Môn Tín thán*: Khen ngợi Phật Di-đà, ánh sáng trí tuệ, tất cả công đức.

3. *Môn Tác nguyện*: Nguyện sinh về nước kia, tu các pháp sở hành sở thành của Phật Di-đà.

4. *Môn Quán sát*: Sở quán này có ba:

- Quán công đức trang nghiêm ở cõi nước kia.
- Quán công đức trang nghiêm của Phật Di-đà.
- Quán công đức trang nghiêm của Bồ-tát ở cõi đó. Mỗi điều có rất nhiều nghĩa, không thể nêu ra hết.

5. *Môn Hồi hướng*: Không bỏ chúng sinh khổ, lấy hồi hướng làm đầu, công đức làm ra đều hồi thí hết.

Theo “Quán kinh” này nói về nguyên nhân cũng có nhiều. Về nghĩa thô thì có bốn:

1. Tu quán vãng sinh: Quán riêng mười sáu pháp, đầy đủ như trên có nói.

2. Tu nghiệp vãng sinh: Tịnh nghiệp có ba, cũng như trên đã nói.

3. Tu tâm vãng sinh: Như văn dưới có nói. Tâm có ba thứ:

- Thành tâm: Thành nghĩa là chân thật. Hạnh khởi không luống dối, thật tâm cầu bỏ, nên gọi là thành tâm.

- Thâm tâm: Tin ưa siêng năng cầu sinh về nước kia.

- Tâm phát nguyện hồi hướng, thẳng đến chỗ mong cầu, gọi đó là nguyện cầu về đường lành, gọi là hồi hướng.

Nguyện có hai:

- Nguyện sinh về nước kia.

- Nguyện thấy Phật Di-đà. Sở hành, sở thành cũng đều như thế.

Đây là tu tâm vãng sinh thứ ba.

4. Quy hướng vãng sinh: Như văn dưới nói tự mình tuy không hành, nhưng nhờ bạn lành nói cho nghe danh hiệu Phật pháp tăng, hoặc khen ngợi công đức của Phật Di-đà, hoặc khen ngợi Quán Âm, Thế Chí hoặc những việc tốt đẹp vui sướng ở cõi nước kia, nhất tâm quy hướng, cho nên được vãng sinh. Ở trong đó hoặc nhớ niệm, hoặc lễ lạy, khen ngợi, hoặc xưng danh hiệu, sẽ được vãng sinh, nên tin như thế.

Kế là nói về người, các kinh đều nói khác nhau, theo Đại kinh Vô Lượng Thọ thì y theo ba phẩm thô để phân biệt với nhân Thượng phẩm vãng sinh, lìa bỏ gia đình, dứt hết ái dục để làm Sa-môn, phát tâm Bồ-đề, một bề chuyên niệm Đức Phật, nguyện sinh về nước kia, liền được vãng sinh. Vãng sinh trung phẩm, không làm Sa-môn, cũng không thể tu các công đức lớn, phát tâm Bồ-đề, một bề chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ, ít tu phước lành, vãng giữ trai giới, tạo tượng xây tháp, tu các pháp cúng dường, nguyện sinh về nước kia, liền được vãng sinh. Sinh về hạ phẩm, không làm các công đức, phát tâm Bồ-đề, một bề chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ dù chỉ mười niệm, nghe pháp mâu vui mừng tín ưa, không sinh nghi ngờ, cho đến phát tâm nguyện sinh về nước Cực lạc, liền được vãng sinh.

Theo “Quán Kinh” thì chín phẩm nói riêng, trước nói bậc thượng, đồng tu Đại thừa để làm nhân. Trong đó, phân biệt ra gồm: Bậc thượng thượng sinh, trước phát ba tâm:

1. Tâm chí thành.

2. Tâm sâu xa.

3. Tâm phát nguyện hồi hướng.

Kế là tu ba nghiệp:

- Từ tâm bất sát, là nghiệp bậc thượng thứ nhất.

- Đủ các giới: Là nghiệp thứ hai.

- Đọc tụng kinh luật Đại thừa, tu hành sáu niệm là nghiệp thứ ba. Sau cùng là hồi hướng nghiệp lành này, muốn sinh liền sinh.

Sinh về thượng phẩm trung sinh, trước cũng nên khởi ba thứ tâm, đồng với tâm thượng sơ, cho nên không nói, ở dưới cũng giống như thế.

Kế là tu ba nghiệp, từ tâm bất sát, giới đầy đủ như trước, cho nên không nói. Đối với pháp Đại thừa không thể thọ trì, đọc tụng tu hành, chỉ có thể hiểu rõ đệ nhất nghĩa đế, tin sâu nhân quả. Đây thuộc về tịnh nghiệp thứ ba ở trước.

Sau cùng hồi hướng điều lành này, nguyện sinh thì liền sinh.

Người sinh về thượng phẩm hạ sinh, trước tiên khởi ba thứ tâm, cũng giống như trước.

Kế là tu ba nghiệp, từ tâm bất sát, đầy đủ giới như trước. Đối với pháp Đại thừa không thể thọ trì, đọc tụng giải nghĩa, chỉ tin nhân quả mà làm nhân hạnh, lòng tin này là tịnh nghiệp thứ ba ở trước, sau cùng hồi hướng việc lành này, muốn sinh liền được sinh. Bạc thượng đều như thế.

Kế là nói về bậc trung. Đồng tu Tiểu thừa mà hành nhân, là sau cùng, phát tâm Bồ-đề, niệm Phật Di-đà, cho nên được vãng sinh. Trong đó chia ra gồm:

Bạc Trung phẩm thượng sinh, trong hạng người ba quả trước của Tiểu thừa, người tu đầy đủ các thánh đức, văn kinh không nói đến, chỉ nói người ấy, có đầy đủ các giới hạnh, đây vẫn thuộc về tịnh nghiệp thứ hai ở trước, sau hồi hướng việc lành này muốn sinh thì được sinh.

Sinh về Trung phẩm trung sinh, một ngày một đêm giữ tám trai giới. Thọ giới Sa-di và cụ túc. Đây cũng thuộc tịnh nghiệp thứ hai ở trước, hồi hướng việc lành này muốn sinh thì liền sinh.

Người sinh về Trung phẩm hạ sinh, nhờ tu hạnh hiếu dưỡng cha mẹ, làm việc nhân đức, tốt lành ở đời, đây là tịnh nghiệp thứ nhất ở trước. Lúc sắp qua đời gặp được bạn lành nói cho nghe các sự vui ở thế giới Cực lạc, đồng thời nói bốn mươi tám nguyện của tỳ-kheo Pháp Tạng cho nghe, dốc lòng tin ưa, muốn sinh thì liền sinh. Bạc Trung đều được như thế.

Kế là nói về bậc hạ. Người này ở đời quá khứ có tu tập Đại thừa cho nên trong Đại Kinh nói người này phát tâm Bồ-đề, nghe nói pháp mâu, tin ưa không nghi ngờ. Hiện tại gặp duyên xấu gây ra các tội nghiệp, cho nên trong kinh này, bày ra các bạn lành khai đạo quy hướng, cho nên được vãng sinh. Trong đó chia ra gồm:

Sinh về Hạ phẩm thượng sinh, hiện tại phạm tội nhẹ, nghe bạn lành nói tên kinh Đại thừa, dạy bảo xưng danh hiệu Phật Di-đà, được diệt tội cho nên vãng sinh. Người sinh về hạ phẩm trung sinh: Hiện phạm bốn tội nặng, năm tội nghịch, v.v.... Được bạn lành dạy xưng danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ, dốc lòng như thế khiến cho âm thanh niệm Phật không dứt, dù chỉ mười niệm, diệt tội được vãng sinh. Phân biệt nhân như thế. Đến đây đã xong môn thứ hai.

Kế là nói về việc cách thời thấy Phật khác nhau. Phật có đủ ba thân.

1. Chân thân: Là pháp thân và báo thân.

2. Ứng thân: Do tám tướng hiện thành.

3. Hóa thân: Tùy cơ hiện khởi. Theo Đại Kinh thì các thượng phẩm thấy ứng thân của Phật đến đón rước, bậc trung phẩm thấy được hóa Phật, bậc hạ phẩm thì mộng thấy, không nói về ứng thân, hóa thân. Chân thân thường tịch, không có tướng đón rước, cho nên không nói.

Theo Quán Kinh này, ba hạng bậc Thượng, đều thấy được ứng thân, hóa thân Phật đến đón rước. Nhưng trong đó thấy rất nhiều hóa thân khác nhau. Bậc thượng thấy vô số hóa Phật, bậc trung thấy một ngàn, bậc hạ thấy năm trăm hóa Phật. ba hạng bậc trung có người thấy Phật, có người không thấy Phật, người ở hai bậc trung thượng và trung trung đều thấy Phật, bậc Trung hạ thì không thấy, vì tu hành thấp kém.

Hỏi: Đại Kinh nói: Ở bậc trung tất cả đều thấy Phật, vì sao kinh này lại nói có người thấy có người không thấy?

Giải thích rằng: Đại Kinh là nói chung các tướng, tùy theo số nhiều mà nói thấy, kinh này thì nói chi tiết ra, nên nói không thấy. Nói có người thấy, là nói thấy ứng thân Phật, chẳng phải thấy hóa thân.

Người ở ba bậc hạ, có người thấy có người không thấy. Bậc hạ thượng, hạ trung thấy Phật, bậc Hạ hạ thì không thấy, chỉ thấy hoa sen.

Hỏi: “Đại Kinh” nói bậc hạ không được thấy Phật, sao kinh này lại nói có thấy?

Giải thích rằng: Kinh này nói tu quán hạnh, do quán mà diệt tội, cho nên khiến bậc hạ chia ra có người thấy. Tuy sau có thấy Phật, chỉ thấy hóa thân kém hơn ở trước.

Hỏi: Trong Đại Kinh nói: Bậc Thượng thì thấy được ứng thân, bậc Trung chỉ thấy hóa thân, bậc hạ chỉ mộng thấy, không nói hóa thân, ứng thân, vì sao kinh này nói bậc thượng thấy cả ứng thân và hóa thân, bậc trung thấy ứng thân, bậc hạ thấy hóa thân?

Giải thích rằng: Kinh này nói tu quán hạnh, nhờ quán mà tâm được soi sáng, cho nên bậc thượng thấy cả ứng thân, hóa thân. Bậc Trung thấy ứng thân, bậc hạ thấy hóa thân. Trong Đại Kinh không nói Quán hạnh, vì sự khác nhau ấy. Môn thứ ba này đã xong.

Kế là nói vãng sinh về cõi kia thời gian có khác nhau. Ba bậc thượng khi sinh đều khác nhau.

Thượng phẩm thượng sinh: Khi sinh về hoa liên nở, không trải qua thời gian

Thượng phẩm trung sinh: Qua một đêm hoa mới nở. Thượng phẩm hạ sinh, hoa nở sau một ngày, một đêm. Người sinh về ba phẩm của bậc trung về thời cũng khác. Sinh về trung phẩm thượng sinh, khi đến hoa liên nở ra, đồng với thượng phẩm. Vì sao? Vì đây là bậc Thánh trong Tiểu thừa được vãng sinh về, dư nghiệp tuy kém, mà tịnh tâm vô lậu, nên khi sinh về hoa liên nở.

Hàng trung phẩm trung sinh: Sau bảy ngày hoa nở, Trung phẩm hạ sinh trong văn không có nói, chỉ nói khi sinh về rồi, bảy ngày sau, gặp bậc Thánh nghe nói pháp.

Ba phẩm bậc hạ về thời cũng khác. Hạ phẩm thượng sinh, trải qua bốn mươi chín ngày hoa mới nở. Hạ phẩm trung sinh, tội báo sâu nặng, đến sáu kiếp hoa mới nở. Hạ phẩm hạ sinh, tội chướng rất nặng, trải qua mười hai đại kiếp hoa mới nở. Do các tội nặng đó nên phải trải qua thời gian tu tập rèn tâm, mới vào sâu Đại pháp, thời chia ra như thế. Môn thứ tư đã xong.

Kế là nói sau khi sinh về được các sự lợi ích khác nhau.

Ba phẩm bậc thượng được lợi ích đều khác. Bậc thượng phẩm thượng sinh, sinh về cõi kia liền đắc Vô sinh pháp nhẫn, không sinh vào Thất địa, ở trong đó cũng có nhiều lúc được, đây là nói về bậc tối thắng.

Về thượng phẩm trung sinh, trải qua một tiểu kiếp, đắc Vô sinh nhẫn. Cũng có người vượt hơn, đây là nói về bậc tối thắng. Thượng phẩm hạ sinh, qua ba tiểu kiếp được trụ vào Sơ địa. Ba phẩm của bậc trung được lợi ích cũng khác. Bậc trung phẩm thượng sinh sinh về cõi kia liền chứng quả A-la-hán, đây cũng có nhiều lúc, đây là nói về bậc tối thắng. Bậc trung phẩm trung sinh, bảy ngày sau đắc quả Tu-đà-hoàn, trải qua nửa kiếp sau đắc quả La-hán, trung phẩm hạ sinh qua một tiểu kiếp mới đắc quả A-la-hán. Ba phẩm của bậc hạ được lợi ích cũng khác, hạ phẩm thượng sinh trải qua mười tiểu kiếp được đến Sơ địa. Vì đây trước là người ở đường lành. Hạ phẩm trung sinh, qua sáu đại kiếp, nghe

pháp phát tâm. Hạ phẩm hạ sinh qua mười hai đại kiếp nghe pháp phát tâm, chủng tánh phát tâm vì bậc hạ này tập khí đời trước rất lớn, đồng phát đại tâm, được lợi ích như thế. Môn thứ năm đến đây đã xong.

Kế là môn thứ sáu, hội kinh luận mà giải thích.

Hỏi: Luận Vãng Sinh nói, người nhị thừa không được vãng sinh. Kinh này vì sao nói bậc trung tu học theo Tiểu thừa mà được sinh về?

Giải thích: Phật Di-đà khi còn là Bồ-tát chỉ tu Tiểu hạnh, không được vãng sinh là do lúc sắp qua đời không phát tâm Bồ-đề, gieo hạt giống Đại thừa thì mới được vãng sinh, nên trong Đại kinh nói người này phát tâm Bồ-đề. Trong luận Vãng Sinh là nói lúc sắp qua đời. Do đó mà cho rằng: Hạt giống Nhị thừa không được vãng sinh. Kinh này y theo lúc đầu mà nói bậc trung học Tiểu thừa được vãng sinh.

Hỏi rằng: Như thế thì phải nhờ sự phát tâm lúc sắp qua đời mới được vãng sinh, đến cõi kia chứng được đạo quả Đại thừa. Vì sao lại chỉ được quả Tiểu thừa?

Giải: Người này tuy nương vào sự phát tâm Bồ-đề lúc sắp qua đời nhưng trước thường học theo Tiểu thừa, cho nên khi sinh về nước kia nghe các pháp khổ, không, vô thường, hiểu rõ nguồn gốc, trước chứng tiểu quả, là do phát đại tâm lúc sắp qua đời. Đắc tiểu quả rồi, không còn trụ vào tiểu quả, sẽ trở về với Đại.

Hỏi rằng: Trong “Luận Vãng sinh” nói người nữ, và người căn thiếu thì không được vãng sinh. Kinh này nói Bà Vy-đề-hy và năm trăm thị nữ đều được vãng sinh, là nghĩa gì?

Giải thích rằng: Luận nói về người nữ và người thiếu căn không được vãng sinh về là nói ở cõi kia. Khi sinh về đó thì được quả báo thanh tịnh lia dục, cho nên không có người nữ, thân báo đều tinh sạch, nên căn không thiếu. Nếu nói theo cõi này thì chỉ cho người có thiện tâm, tất cả không phân biệt.

Lại hỏi: Đại kinh nói kẻ gây ra năm tội nghịch không được vãng sinh. Kinh này lại nói được, là vì sao?

Có hai nghĩa:

1. Phân biệt theo người: Người gây ra năm tội nghịch, có thượng có hạ: Những điều lành đã có trước kia bị những việc làm ác che mất, gọi đó là hạ, ở trong đường lành, gặp duyên lại gây ra tội nghịch gọi đó là thượng. Người bậc thượng như vua thế gian,... gây ra việc nghịch thì phải có sự sám hối sâu nặng mới khiến cho tội tiêu diệt, mới được vãng sinh. Kinh này là nói đến điều đó, cho nên mới nói năm tội nghịch cũng có thể được vãng sinh.

Người bậc hạ gây ra tội nghịch, phần nhiều không sám hối thì không thể được vãng sinh

Trong Đại kinh cũng nói đến điều này. Cho nên nói không sinh.

2. Phân biệt theo hạnh. Người gây ra tội nghịch thì hạnh có định tán: Quán Phật tam-muội thì gọi là định, tu các gốc lành thì gọi là Tán. Năng lực của tán thì mỏng, không thể dứt trừ hết năm tội nghịch, không được vãng sinh. Trong Đại Kinh cũng nói về điều này, nên nói là không sinh. Định thiện có năng lực mạnh, có công năng diệt hết năm tội nghịch, nên dễ được vãng sinh. Kinh này nói quán cho nên nói được vãng sinh, phân biệt như thế.

Kế là giải thích về văn kinh. Trước quán ba phẩm của bậc thượng, vãng sinh, trước là luận ba phẩm riêng, sau mới tổng kết. Đối với Thượng thượng thì đầu tiên nêu ra, kế là giải thích, sau cùng mới tổng kết. Trong giải thích có ba:

1. Nói về nhân.

2. Khi sinh về nước kia, người này trở xuống: Nhân thành thì được vãng sinh. Từ “Đến nước kia thấy Phật” v.v... trở xuống: Sinh về thì được lợi ích. Ở đây nói trong nhân, tâm ban đầu và hạnh ở sau. Ở trong tâm đầu tiên nói “Nếu nguyện sinh về nước kia... thì nên phát ba thứ tâm”. Đây là nêu chung.

Kế là phân biệt danh hiệu.

“Thế nào” là câu hỏi, dưới là trả lời.

Nói “Thành” là chỉ cho sự thật tâm. Khởi hạnh không dối gọi là thành tâm. Lại thật ý cầu vãng sinh cũng gọi là “Thành tâm”.

Nói “Thâm tâm” là dốc lòng tha thiết, khởi hạnh siêng năng, đó là thâm tâm. Cầu bỏ sự siêng năng đến cũng gọi là thâm tâm. Hồi hướng phát nguyện cầu bỏ tâm, dùng điều lành mà cầu, gọi là hồi hướng. Nghĩa là hồi điều lành của mình hướng đến đạo Bồ-đề. Lại hồi hướng điều lành của mình và hướng về Cõi cực lạc, gọi là hồi hướng, ý nghĩa hồi hướng có nói rộng như trong chương riêng, ở đây cũng nên nói đầy đủ. Thẳng đến nơi mong cầu, đó là nguyện. Nguyện cầu đạo Bồ-đề, lại nguyện sinh về cõi kia, đó là nguyện. Có đủ cả ba thì chắc chắn vãng sinh, trong phần tổng kết năng hành, đầu tiên gọi là “Lại” có ba loại sẽ được vãng sinh. Đây là tổng kết để nêu, kế là nêu tên. Trước hỏi sau nêu, đây là ba thứ tịnh nghiệp bậc thượng. Từ tâm bất sát là nghiệp bậc thượng đầu tiên. Trong nghiệp đầu tiên này nói sự cung cấp dưỡng nuôi cha mẹ, thờ phụng sư trưởng, tâm từ không sát sinh, tu hành mười điều lành. Nay nêu ra từ tâm, còn điều kia thì lược qua không nói.

Đây đủ các giới hạnh, trong văn trước là nghiệp thứ hai. Đọc tụng Đại thừa cho đến phát nguyện, văn trước là nghiệp thứ ba. “Hồi hướng” xong rồi thì dùng chung cho ba nguyện trước.

“Nguyện sinh về cõi nước kia, từ một ngày cho đến bảy ngày” là nói phạm vi giới hạn tu hành liền được vãng sinh. Kết thúc nói về lợi ích của sự tu hành. Như trên là nói về nhân.

Thứ hai: Là nói “Nhân thành” trong vãng sinh, người này tinh tấn, thì được Phật Di-đà và các thánh chúng đến đón rước, hành giả thấy rồi lòng rất vui mừng. Đây là nói được vãng sinh về cõi kia.

Thứ ba: Sinh về Cực lạc thì được lợi ích. Việc này có chia làm ba:

Sinh về Cực lạc, thấy Phật nghe pháp, đắc Vô Sinh Nhẫn.

Làm các Phật sự, được Phật thọ ký.

Trở về cõi nước mình, đắc pháp môn tổng trì Đà-la-ni.

Trong pháp quán trên, trước nêu sau luận, cuối cùng tổng kết.

Trong phần giải thích cũng có ba:

- Nói về nhân.

- Nhân thành thì được vãng sinh.

- Vãng sinh rồi thì được lợi ích. Trong nhân, đầu tiên nói là “Không cần phải thọ trì kính điển Phương đẳng”, để phân biệt ở đây khác với trước.

Khéo hiểu thành đẳng chính là nói về nhân.

“Đem nguyện này” v.v... trở xuống: Dùng đó mà cầu sinh. Trong thượng phẩm ở trước, có ba thứ: tâm, từ, cụ giới, ở đây cũng nên có, đồng như trước nên không nói. Trong phần vãng sinh thứ hai, thì đầu tiên đón rước hành giả này về Cực lạc: “Hành giả tự thấy ngồi trên đài vàng”

“Qua một đêm hoa liền nở”: Là nói về thời gian sinh ra.

Trong phần lợi ích thứ ba, văn cũng chia làm ba:

- Vãng sinh về cõi kia được lợi ích.

- Làm các Phật sự, tu học tam-muội.

- Sinh về nước kia trải qua một tiểu kiếp đắc Vô Sinh nhẫn, hiện tiền được thọ ký. Trong phần lợi ích sinh về cõi kia là thân màu vàng ròng là chánh báo tốt đẹp.

Dưới chân có hoa sen là y báo tốt đẹp, Phật và Bồ-tát phát ra ánh sáng là bạn lành tốt đẹp. Do nhân trước tu tập nên được nghe pháp cao siêu. Liền bước xuống đài vàng, lễ Phật khen ngợi là khởi hạnh tốt đẹp. Trải qua bảy ngày, đó là sở thành tốt đẹp.

Kế là nói việc trên dưới, cũng trước là nêu ra. Kế là trong phần giải thích có ba:

- Nhân.
- Sinh.
- Nói về được lợi ích.

Trong nhân không có nói, khéo hiểu nghĩa thú. Chương này trước đã nêu ra. Cũng tín nhân,... là nói về nhân. Từ “Do đức này” v.v... trở xuống là dụng để cầu sinh.

Trong phần vãng sinh thứ hai: Đầu tiên là đón rước về nước kia. “Thấy việc này” v.v... trở xuống: Đây nói vãng sinh về nước kia, trải qua một ngày một đêm, hoa sen liền nở đây là nói việc vãng sinh lâu mau.

Trong sự lợi ích này có ba:

- Sinh về cõi kia được lợi ích, thấy Phật nghe pháp.
- Cúng dường Chư Phật khắp mười phương, theo Phật nghe pháp.
- Ở trong nước kia trải qua ba tiểu kiếp được trăm pháp, minh môn, đến Hoan Hỷ địa. Đó gọi là Thượng sinh, thứ mười bốn là quán chung để kết thúc.

Kế là quán ba bậc vãng sinh trung phẩm, đầu tiên là nói về hai phẩm, sau là tổng kết.

Trong giải thích có ba:

- Nói về nhân.
- Nhân thành thì được vãng sinh.
- Sinh rồi được lợi ích.

Trong nhân, đầu tiên nói về năm giới, tám giới, là giới của hàng tại gia. Tu hành các giới là giới của người xuất gia, đây là nói về tu trị.

Không gây ra năm tội nghịch, không các lỗi lầm, đó là nói hạnh lìa lỗi.

Đem điều lành này để cầu vãng sinh. Trong phần vãng sinh thứ hai, đầu tiên được đón rước về Cực lạc.

Từ “Hành giả thấy Phật” v.v... trở xuống là nói được vãng sinh về cõi kia.

“Hoa sen vừa nở” v.v... trở xuống là thời gian vãng sinh, đây là sự vãng sinh của bậc Thánh, cho nên hoa liền nở .

Trong phần lợi ích thứ ba, trước thì hoa nở nghe pháp, sau được đạo quả. Đắc La-hán, đây gọi là Vô sinh, cũng gọi là vô trước. Nhân vô trước mất thì quả vô sinh không còn.

Nói ba minh là: Túc mạng, thiên nhãn và lậu tận.

Sáu thông: Là thân thông, thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông và lậu tận thông.

Tám giải thoát cũng gọi là tám bối xả. Danh tự là gì?

Trong có sắc tướng, ngoài quán sắc một, tự thân gọi là nội, thân khác là ngoại. Đối với thân sắc của mình chưa diệt chưa hoại, gọi là nội hữu quán. Nội ngoại sắc đều bất tịnh, gọi là ngoại quán sắc.

Hỏi: Trong ngoài ở đây đều có, ví sao lại nói nội hữu?

Giải rằng: Nội sắc lúc đầu có mà sau không. Ở đây chỉ nói về điều sau, nên không có. Ba giải thoát trước chưa diệt được ngoại sắc, chẳng phải lúc đầu có riêng. Vì nghĩa đó, nên không gọi là ngoại hữu.

Hỏi: Môn này quán chung cả nội ngoại, đều là bất tịnh, vì sao mà nói quán ngoại?

Giải thích: Đây là ẩn hiển bày danh. Trước thì bên trong bày hữu mà ẩn kín quán xưng. Nay ngoài thì bày quán, ẩn đi hữu danh, luận giải thích như thế.

Trong không có sắc tướng, ngoại quán sắc có hai. Đối với tự thân của mình thực hành tướng chết, bị trùng ăn lửa cháy, phá tan hết các tướng, đó là nội vô (trong không). Quán sát ngoại sắc đều là bất tịnh. Cả hai thứ này đều là quán bất tịnh. Tướng tịnh giải thoát, đó là điều thứ ba. Đối với nội ngoại sắc, bỏ hết da thịt, chỉ quán xương cột. Ba sắc trước và bốn pháp: là Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ và phi tướng giải thoát cộng lại thành bảy. Bạc Thánh được định bốn Không xứ, liền cho là bốn giải thoát. Thêm định diệt tận nữa là thứ tám, gọi là diệt tận định. Tám giải thoát này, có nói rộng như trong chương riêng, cũng nên luận đầy đủ. Kế là quán phẩm trung trung.

Đầu tiên là nêu, kế là giải thích. Trong giải thích có ba:

- Nói về nhân.

- “Huân giới hương” v.v... trở xuống: Là nhân thành tựu được vãng sinh.

- “Hoa đã nở” v.v... trở xuống: là sinh về cõi kia được lợi ích.

Trong phần vãng sinh thứ hai, đầu tiên là đón rước về cõi kia “Hành giả tự thấy ngôi trên hoa sen” v.v... trở xuống: Đây là nói vãng sinh về cõi kia, bảy ngày sau hoa sen mới nở là nói sự vãng sinh lâu mau, trước đã nói bảy ngày sau hoa mới nở, sự lợi ích để hiểu là thế nào.

Kế là quán bậc trung hạ: Cũng trước là nêu ra, kế là giải thích, sau cùng là kết luận.

Trong phần giải thích có ba:

- Nói về nhân.
- Nhân thành thì được vãng sinh.
- Sinh về cõi kia được lợi ích.

Trong nhân có hai:

1. Hiếu thảo dưỡng nuôi cha mẹ, làm điều lành ở đời.

2. Khi sắp qua đời nghe bạn lành khen ngợi cõi Cực lạc và nghe được bốn mươi tám lời nguyện của ngài Pháp Tạng, mong muốn được sinh về.

Trong phần vãng sinh thứ hai: Người này hành trì yếu kém, không được Phật đến đón rước, chỉ vãng sinh thẳng. Trong phần lợi ích thứ ba, vì người này hành trì yếu kém nên không được thấy Phật, chỉ nghe pháp với Quán Âm, Thế Chí mà đắc quả La-hán. Cho nên gọi là bậc trung hạ.

Kế là quán ba phẩm bậc hạ. Đây ứng với các việc lành từ trước, phạm vi giới hạn khó biết được. Trong đây cũng có nói riêng về ba bậc ở đầu, sau cùng là tổng kết.

Trong phần biệt giải, đầu tiên quán hạ phẩm thượng sinh, cũng trước là nêu chung, kế là giải thích, sau cùng là kết luận, trong phần giải thích có bốn:

- Nêu bày tội lỗi

- “Khi sắp qua đời” v.v... trở xuống là nói về nhân lành. Do nghe kinh mà diệt tội, niệm Phật trừ được ác chướng, cho nên được vãng sinh.

- “Bấy giờ, Đức Phật kia sai vị hóa Phật” v.v... trở xuống: Là nói về sự vãng sinh. Trong đây trước được hóa Phật đón rước. “Nói lời ấy rồi, hành giả liền thấy” v.v... trở xuống: Tùy hóa sinh về cõi kia, trải qua bốn mươi chín ngày, hoa sen mới nở” là nói thời gian vãng sinh, vì tội nhẹ cho nên bốn mươi chín ngày thì hoa nở.

- “Khi hoa nở, Quán Âm đại bi phát ra ánh sáng” v.v... trở xuống: Là nói sinh về cõi kia được lợi ích.

Trong đây, đầu tiên là Quán Âm giảng nói kinh điển sâu xa, sau nói người ấy nghe pháp tin hiểu, phát tâm đăc đạo.

Kế là quán bậc hạ trung: Cũng trước là nêu chung, kế là giải thích, cuối cùng là kết luận.

Giải thích có bốn:

- Nói tội của người đó.

- “Người tội như thế vì nghiệp ác” v.v... trở xuống: Là nói nhân lành của người ấy. Nhờ nghe công đức của Phật và giới định,... mà diệt

hết tội nghiệp.

- Lửa địa ngục hóa thành gió v.v... trở xuống: Là nói sự vãng sinh.

- Trong đây, trước hóa Phật đến đón rước. “Như một niệm trở xuống: là liên hóa vãng sinh”.

“Sáu kiếp hoa nở” là nói về sự vãng sinh lâu mau. Vì người này tội nặng cho nên sáu kiếp sau hoa mới nở.

Quán Âm, Thế Chí nói pháp cho họ nghe, sinh về cõi kia được lợi ích, nghe pháp phát tâm.

Kể là quán phẩm hạ hạ, cũng trước là nêu chung, kể là giải thích, sau cùng kết luận. Trong giải thích có bốn:

Nói lên tội của người ấy: Làm các nghiệp bất thiện, tổng kết nêu ra, gồm năm tội nghịch, ...

Năm tội nghịch là: giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hiệp tăng, làm thân Phật chảy máu.

Hỏi: Trong Đại kinh nói người phạm năm tội nghịch không được vãng sinh. Ở đây sao lại nói được vãng sinh?

Giải rằng: Vì tùy theo người cho nên nói khác nhau. Nếu đời trước không có đạo căn, nay gây ra năm tội nghịch thì theo lý không được vãng sinh. Nếu trước người ấy có phát tâm Bồ-đề, dù gặp duyên gây ra năm tội nghịch, bốn tội nặng, lại sinh tâm hối lỗi sửa đổi, như các vị vua ở đời, cũng được vãng sinh, cho đến những người tu thiện Đại thừa, có gây ra năm tội nghịch, bốn tội trọng, chê bai chánh đạo.

Danh nghĩa mười điều ác, đầy đủ như đã nêu trên. Nói người bất thiện phạm bốn tội nặng, là phần thứ nhất ở trước nêu tội nghiệp của người.

“Người tội phạm bốn tội như thế, vì gây ra nghiệp ác cho nên bị đọa”: Đây là nói nhân lành. Trong đây có hai:

- Lại nêu những tội đã gây ra.

- “Bạn lành bảo” v.v... trở xuống: thuận bày ra những điều được mất, trong đó có hai câu:

1. Vì nghiệp ác nên đọa vào địa ngục.

2. Khi sắp qua đời trở xuống được bạn lành dạy bảo, nhưng không chịu niệm Phật. Đây cũng có hai:

Bạn lành khuyến hóa, xưng niệm danh hiệu Phật, đầy đủ mười niệm.

Nhờ niệm Phật, mỗi niệm trừ được tội sinh tử trong tám mươi ức kiếp.

Đây là đoạn hai, nói về nhân lành.

“Sau khi qua đời, thấy được hoa vàng” v.v... trở xuống là nương điều lành được vãng sinh. Trong đây, trước nói về hoa sen, kế là được vãng sinh, sau cùng nói sinh về nước kia, mười hai đại kiếp sau hoa mới nở. Vì người này phạm tội rất nặng, cho nên mười hai kiếp hoa mới nở.

“Quán Âm, Thế Chí vì lòng đại bi” v.v... trở xuống là nói sinh về cõi kia được lợi ích.

Trên đây đã nói rộng ba thứ tịnh nghiệp, mười sáu pháp quán.

Phần dưới nói về sự lợi ích, lợi ích này có ba thứ:

1. Phu nhân Vi-đề và năm trăm thị nữ, thấy cõi An Lạc, Phật và chúng Bồ-tát, được Vô sinh nhẫn.

2. Năm trăm thị nữ phát tâm Bồ-đề, nguyện sinh về Cực lạc. Phật bảo sẽ được vãng sinh.

3. Các vị trời phát tâm.

Trên đây là phần chánh tông đã xong, dưới đây là phần lưu thông, có hai:

1. Lưu thông ở cung vua.

2. Từ “Chân bước” v.v... trở xuống: Lưu thông ở kỳ-đà.

Trong đây có bốn:

- Nêu danh, dạy hành trì.

- Từ “Thực hành” v.v... trở xuống là nói ngài Mục-liên nghe pháp vui mừng. Trong phần đầu, A-nan trước thưa hỏi phần phát khởi “Kinh này gọi tên là gì?” Là hỏi đặt tên kinh.

- Vì nói nghĩa chẳng phải một, nên lấy nghĩa nào mà đặt tên kinh này?

“Pháp yếu này lấy gì để thọ trì” là hỏi về nghi thức thọ trì.

- “Pháp này rất quan trọng, lấy gì để thọ trì”?

Phật đáp: Tên kinh là: “Quán Cực Lạc Vô Lượng Thọ Phật Quán Âm, Thế Chí” cũng gọi là “Tịnh Nghiệp Sinh Chư Phật Tiền”. Đây là đối với lời hỏi ban đầu “Ông nên thọ trì, đừng để quên mất” là đối với lời hỏi ở sau.

Đừng để quên mất là nghĩa thọ trì. Từ phần thứ hai trở xuống là nói tu hành được lợi ích. Trong đây, đầu tiên là nói tu hành mười sáu tam-muội quán môn ở trước được lợi ích, hiện thân được thấy Phật Di-đà và các Bồ-tát.

“Thiện nam, tín nữ chỉ nghe tên trở xuống là nói lợi ích của việc niệm Phật, Bồ-tát”.

“Chỉ nghe hai tên, trừ được vô lượng tội, hưởng chi nhớ niệm” là

nói Bồ-tát có lợi ích lớn, nêu kém còn như thế, huống chi là người vượt hơn.

“Như niệm Phật trở xuống là nói niệm Đức Phật kia được lợi ích lớn. Như người niệm Phật là hoa phân-đà-lợi trong loài người, nói thân người ấy tốt đẹp, là hoa đẹp nhất trong các hoa phân-đà-lợi, người này ví như hoa đó, gọi là phân-đà-lợi.

“Quán Âm, Thế chí” là bạn tốt, là nói bạn cao quý.

“Sẽ ngồi Đạo tràng ” là nói sự thành tựu thù thắng.

Tràng là dụ cho nơi chốn, nơi đắc đạo gọi là đạo tràng. Nơi Phật đắc đạo dưới cội Bồ-đề gọi là Đạo tràng. Chỗ này Phật đắc nên gọi là tọa. Nói theo sự thật thì nghĩa có rộng khắp và cục hạn, rộng rãi thì tất cả hạnh đức của Bồ-tát có thể sinh ra Quả Phật, đây gọi là Đạo tràng. Như trong Kinh Duy-ma có nói. Cục hạn thì tam-muội Kim cương cuối cùng, thân sinh ra đức của Phật, gọi là đạo tràng, nương vào đó mà đắc quả, theo nghĩa mà nói là tọa. Sinh vào nhà Chư Phật là sở nhập thù thắng, cũng gọi là chỗ sở y. Không nghĩ Phật pháp là chỗ Phật trụ, gọi là nhà Phật. Từ bậc Sơ địa trở lên, vào trong nhà Phật, nương vào đó mà hành trì, gọi là sinh vào nhà Phật .

Thứ ba: Là khuyến khích hành trì.

Thứ tư: Nghe xong vui mừng.

Trong phần thứ hai nói lưu thông ở Kỳ-xà.

Phật từ hư không trở xuống núi Kỳ-xà-quật. Vì để cho chúng sinh thêm sự cung kính, thuận theo đó mà nói, cho nên biến hóa ra.

A-nan thưa hỏi.

Trời rồng v.v... nghe xong vui mừng làm lễ lui ra.

